

Hoá Vàng - Lên Đồng - Đám Cưới Nhà Quê

Phan Lạc Tiếp

1. Hoá Vàng

Có lẽ đó là năm 1943. Trước sân một dãy các đồ mã đã được bày ra. Rất nhiều vàng hồ có gắn những mảnh kính óng ánh. Sau đó là những xấp giấy đủ màu, được coi là các thứ vải để người quá cố may quần áo. Hai cô hình nhân, ăn mặc theo lối quê, áo tứ thân, yếm trắng, thắt bao hoa lý, tóc búi đuôi gà, là những người “đỡ chân, đỡ tay cho cô ấy.” Kế đến là hai cái hòm, có khoá đồng bằng giấy trang kim, óng ánh như thật. Sau chót là cái xe cao su, tức chiếc xe kéo, có mui giương lên, cụp xuống, hai bánh có nan hoa gắn vào trục, kéo đi đẩy lại quanh sân được. Nệm xe trắng tinh, trên đó có con mèo tam thể nằm, hàng mã mà khéo như con mèo sống đang lim dim ngủ. Vì người quá cố là chị Hân, con gái độc nhất của bác tôi, mất năm ngoái, người rất yêu quý mèo.

Hôm nay là ngày giỗ đầu. Khi còn sống chị Hân ở ngoài tỉnh, lâu lâu mới về thăm mẹ. Thường chị đi xe Sơn (tức xe chạy đường Sơn Tây-Hà Nội) tới ngã ba Quai Chè, lấy xe cao su về nhà. Xe chị đỗ ở sân, ngay trước cửa vào buồng. Chị bước xuống, quần sa tanh trắng sột soạt. Chân chị đi hài cườm có thêu hai con chim phượng. Chị mặc áo dài nhung, quàng khăn san và vấn tóc trần. Chị đi đến đâu mùi nước hoa sực nức đến đấy. Độ này chị về luôn. Có khi đi xe ô tô nhà, màu tím, đậu tại Ngã Ba. Mùi xăng thơm nồng. Chị quả là người đến từ một cõi nào xa lạ và sang trọng quá. Rồi có tin chị lấy chồng. Chồng chị là một ông giáo ở gần đây. Vợ cả ông mới mất, nhưng ông đã có vợ lẽ và mấy đứa con. Đám cưới dồn dập đến. Cỗ bàn nấu theo nửa tỉnh nửa quê. Khách đông lắm. Khách ở tỉnh về đi xe tay, xe đạp và có cả xe hơi. Đó là khách nhà gái. Khách nhà trai cũng toàn là dân có học, hầu như tất cả là nhà giáo. Họ nói với nhau khi thì bằng tiếng ta, khi thì bằng tiếng Tây.

Chị Hân về nhà chồng bằng mấy chục chiếc xe cao su. Đồ dẫn cưới là những cái gối thêu và cái chăn bông màu hồng. Nghe nói hồi môn lớn lắm. Chú rể, lúc này tôi được phép gọi là Anh Giáo, mặc áo sa, đi giày dôn bóng lộn. Quê chồng chị là làng Ngô-Tề, cách làng tôi độ 3 cây số. Bác gái tôi thương con gái, nên cho một chị-ở đi theo để “đỡ chân đỡ tay cho cô ấy.” Vài tuần sau chị Hân về, mới gặp mặt bác tôi đã òa khóc. Việc người lớn, tôi trẻ con, đâu biết gì. Rồi Anh Giáo đi xe đạp lên, tươi cười chào bác tôi, một lời “thưa mẹ”, hai lời “thưa mẹ” thật là lễ phép. Bác tôi dặn dò hai vợ chồng rồi cho gọi một chiếc xe-sắt để đưa chị về. Anh Giáo đi xe đạp bên cạnh.

Đùng một cái, một buổi sáng sớm, chị-ở hốt hoảng chạy về, vừa vào đến cổng đã òa khóc lớn:

- Bà ơi, cô con mất rồi.

Bác gái tôi cuống quýt. Rồi các anh, các chị tôi từ ngoài tỉnh về. Bác trai tôi về. Thôi thì rồi mù, bận rộn. Người ta bảo chị Hân bị đánh thuốc độc chết, thừa kiện âm ỉ. Nhưng dù thế nào thì chị cũng đã chết rồi. Chị Hân chết, bác gái tôi buồn lắm. Suốt 49 ngày, bác gái tôi đều cúng cơm và nhờ ông thầy cúng hàng ngày đến tụng kinh cầu siêu. Có những buổi chiều lúc chập tối, bác gái tôi đứng trước hiên nhà, nhìn ra mặt ao, thấy một đàn đom đóm lập loè ở hàng tre, bác tôi mở to đôi mắt nhìn qua. Rồi bác tôi vào nhà, thắp hương lên đủ các bàn thờ ông vải, khấn vái la liệt. Sáng hôm sau thế nào bác tôi cũng kể lại giấc mơ gặp chị Hân đêm qua. Lúc thì bác thấy chị khóc, lúc thì thấy chị lăn lộn trên giường khi lâm chung. Nỗi thương nhớ, đau xót về cái chết của chị Hân như chẳng khi nào dứt trong dòng suy nghĩ của bác gái tôi.

Bây giờ là ngày giỗ đầu. Thương con, bác đặt đồ mã đầy đủ như thế. Riêng cái xe cao su phải thừa từ phố Hàng Mã, Hà Nội. Hôm đem về, hai bánh xe được tháo ra. Cái xe hàng-mã ấy ngon lành ở hàng ghé sau chiếc xe ô tô nhà của bác tôi. Sau mấy lần tụng kinh, khấn vái đã đến lúc hoá vàng. Tất cả các thứ mà bác tôi cố gắng, chi ly nghĩ ra để “cô ấy sẽ không thiếu thứ gì dưới cõi âm”, bác tôi đã thừa hàng mã làm đủ cả. Bây giờ tất cả đồ mã được gom lại. Cái nhà Tây hai tầng được nhóm lửa đầu tiên. Lửa bắt vào những mảnh giấy phát phơ là màn cửa, rồi lửa bùng lên thiêu đốt căn nhà, hết một đám cháy. Các “xấp vải” được vát vào. Đây là hòm quần áo. Đây là hình nhân. Cuối cùng là cái xe cao su được kéo sát lại ngọn lửa. Lửa bắt vào mui xe. Bỗng lười lửa như reo vui, chùm lớp cả lòng xe. Ở đó có con mèo tam thể nằm trông y như thật, bị ngọn lửa bập bùng ôm kín. Đốt xong cái xe cao su, ngọn lửa lụi dần. Một người lấy gậy ngắt khơi từ đồng tro, các xấp giấy bết lại không cháy hết, giờ lại bùng lên. Hình đôi hài cườm, cái đế còn nguyên không cháy được, giờ chỉ

còn là một mảnh như chiếc lá, đen ngòm. Tôi nhìn mà tiếc lắm. Hình hai con phượng lung linh những hạt cườm đã cháy tiêu. Đống tro được bới qua bới lại cho cháy hết. Lúc ấy bác gái tôi đem tất cả những ly rượu trên bàn thờ, lần lượt tưới xuống đống tro. Vừa tưới bác tôi vừa khấn. Hơi rượu nồng hoà với mùi khét lửa than bay đầy mảnh sân rộng. Khi đống tro đã tắt, bác tôi sai người nhà đem đổ xuống ao. Tro giấy nhẹ nổi dạt dờ trên mặt nước. Một làn gió từ đâu tạt về, phả xuống mặt ao, thổi ngược lên, đem theo một số mảnh tro bay tạt về phía bác tôi. Bác tôi bỗng hốt hoảng kêu lên:

- Con ơi, con ơi! Thế con giận mẹ ư. Con không nhận các thứ mẹ đốt cho con ư. Hay là còn thiếu thứ gì khiến con giận mẹ...

Bác tôi tức tưởi khóc, máu máo:

- Khốn khổ con tôi, chết oan, chết uổng...

Mảnh sân sau lễ hoá vàng nóng hổi. Người nhà lấy nước tưới lên, khói bay nghi ngút từ những mặt gạch xám đen. Các hòn gạch cháy xám đen này còn mãi, chẳng phai nhòa những năm sau đó, như nỗi nhớ thương không nguôi về cái chết oan khuất của chị Hân, con gái bác tôi.

Bây giờ, bây giờ là tháng 4 năm 1994, sau nửa thế kỷ xa cách chia lìa, tôi từ Hoa Kỳ trở lại Việt Nam, về thăm quê cũ. Bước xuống Hà Nội. Hà Nội như bé lại, chật hẹp và nghèo nàn. Chỗ nào nhìn cũng chan chứa xót xa. Nhưng ở phố Hàng Mã thì khác. Cờ ngũ sắc cắm đầy. Xưa là những con ngựa giấy, là những cái mũ ông công, là chiếc xe cao su làm y như thật. Bây giờ là quần áo bộ đội, là các xấp tiền Xã Hội Chủ Nghĩa và có cả những xấp tiền đô-la Mỹ. Một vài hàng còn bày bán xe Honda nữ làm to và khéo như thật, có thể dắt đi lòng vòng được, như xưa kia người ta đã làm chiếc xe cao su. Có lẽ xe Honda là món hàng mẫu, đắt giá, nên được bọc kín trong bao nylon, để ở trong nhà, tránh cho trẻ con mó máy, làm hư. Quả là thời đại đã đổi thay. Hà Nội cũng đổi thay. Nhu cầu của người chết cũng đổi thay theo nhu cầu của mực sống hàng ngày. Từ cái xe Honda nữ, khiến tôi nhớ đến mảnh sân cháy xám, vết tích cuộc hoá vàng ngày cũ. Mảnh sân ấy có còn không. Một vùng những hòn gạch cháy xám giữa mặt sân gạch đỏ au.

Tôi nao nức muốn về quê ngay. Tôi muốn nhìn lại mảnh sân ngày cũ. Khi về đến quê, đến nhà, tất cả đã đổi thay, nhưng cái nhà cũ vẫn còn. Đây là cái cổng ngoài, hai cánh gà xây vòng như vòng tay mở đón mời, còn đây, nhưng lớp vôi ngoài loang lổ, phò những hòn gạch chỉ nằm ép vào nhau, giữa những lớp vôi hóm sâu tả tơi. Hàng chữ triện trên cao còn, nhưng râu phủ đen ngòm. Đây là cổng trong, cái cổng làm theo lối Nhật. Hai cánh cổng có những thanh gỗ tre ở trên như biểu hiệu của ánh mặt trời, giờ cái còn, cái mất. Đây là ngôi nhà từ đường đã phá mất tầng trên trong dịp tiêu thổ kháng chiến. Giờ lợp lại qua quýt. Tám cánh cửa ở gian giữa, giờ phải thật khéo mới mở ra được. Mối mọt và những bản lề hư gãy với thời gian. Ở ngoài đã như thế, nói gì đến các đồ thờ, câu đối rục rở một thời xa...

Trong cái ồn ào xúc động, lòng tôi ở một góc kín, tôi muốn nhìn lại mảnh sân xưa. Mảnh sân có các viên gạch xám đen bởi cuộc hoá vàng. Không còn nữa. Nền sân lún, gạch vỡ. Tôi đi đi lại lại. Tôi đứng chân ở nơi hoá vàng ngày cũ, mong thấy chút hơi ấm ngày xưa. Không còn gì. Mặt đất im lặng, lạnh ngắt. Tôi đứng khá lâu. Từ sâu thẳm trong lòng sân, như có một sự cự nự mình, nhưng vì tế quá, tôi hình như chỉ thấy tự tâm tôi. Tôi bước những bước rất từ tốn trên mặt sân, mỗi bước chân đặt xuống nhẹ nhàng, êm ả, chỉ sợ đất buồn. Tôi vẫn cố lắng nghe, mà như đất khô già quá, đất lặng lẽ nín câm. Tới cuối sân, tôi dừng lại. Nhìn qua bức tường đỏ, qua mảnh ao cạn, bên kia ao là một bụi tre. Lá tre thưa nhè nhẹ đong đưa. Xưa ở đó có cái cầu ao gạch ong nằm ngay đầu bếp nhà chú Thư Ký. Một buổi trưa lặng lẽ, bỗng có tiếng kêu thảng thốt:

- Làng nước ôi ! Cứu cháu tôi...

Một người đàn bà ra bờ ao, thụt tay xuống nước, kéo lên đứa bé lên hai. Đứa nhỏ ra ao chơi, sa chân chết đuối. Tiếng kêu hốt hoảng ấy vỡ ra giữa buổi trưa vắng lặng với tất cả kinh hoàng, đã ám ảnh tôi, dính chặt vào trí nhớ tôi như một vết chàm, không tài nào tẩy xóa được. Từ đó, mỗi buổi tối đến, nhìn những con đom đóm lập loè trên cành tre, tôi càng sợ hãi. Phải chăng hồn em bé đã nhập vào bụi tre này.

Trong niềm ưu tư đó, một cơn gió từ đâu thổi tới làm tôi ghê gai, se sắt đôi tay. Làn gió này có giống làn gió nào bao năm xa cũ. Lòng tôi như một sợi dây đàn mỏng manh muốn run lên theo từng đổi thay nơi quê hương cũ. Tôi bồi hồi lặng lẽ. Bao nhiêu oan trái của chiến tranh, bao nhiêu người đã ra đi, oan uổng bỏ mình. Ôi những anh linh của kẻ Nam, người Bắc, đã chết oan cho cuộc chiến thật buồn. Lúc nhắm mắt già từ cuộc sống, họ có nhớ về một ngọn tre nơi làng cũ. Ở quê nhà, cứ mỗi lần gió thoảng, lúc chiều rơi, có những đóm hương đốt lên để tưởng nhớ những người đi biên biệt, chẳng về. Có lúc vì làm lẫn, tên tôi đã được đăng trên mục chia buồn ở một số tờ báo Sài Gòn, và cũng được đọc qua các làn sóng điện lan đi khắp bốn phương trời. Trong lặng lẽ của tinh không, tin dữ ấy cũng đã lọt qua những cách trở của chiến tranh, về đến tận nơi

này. Anh cả tôi, các em tôi, cô chú tôi đã lặng lẽ thấp hương và khóc, tội nghiệp cho tôi không bao giờ có thể trở về được nữa. Vậy mà bây giờ cuộc chiến tàn, tôi còn sống, tôi lại còn về được đây.

Tôi đang đi trên nền sân cũ, và bỗng nhớ quá những đợt khói hương, hơi ấm của buổi hoá vàng. Cái nghi lễ lạ lùng, huyền hoặc mà người dân miền Bắc đã không bỏ. Phí phạm và vô lý quá chăng. Nhưng nó lại như một sợi dây liên lạc, mơ hồ giữa hai cõi âm dương. Thôi thì như lời của người xưa: Tâm động quỷ thần tri. Lòng ta thành thì thần thánh biết, ma quỷ biết. Lòng ta nghĩ đến, biết đâu chẳng như một dòng điện, dù vi tế thế nào, cũng gây chấn động tới ngàn xa, nơi có cùng tần số. Mà ở đời có tần số nào mạnh mẽ như tần số của thương yêu. Có nỗi niềm nào mãnh liệt, sâu bền sánh được với sự mong chờ mòn mỏi giữa mẹ con, chồng vợ, giữa những người ruột thịt! Nghĩ thế, tôi thấy trong không gian tịch mịch này như đầy ứ những niềm vui. Tôi ngửa mặt nhìn lên bầu trời cao rộng, chi chít những vì sao. Thầy mẹ tôi, bác tôi, những người thân yêu, và cả các bạn bè một thời, những người đã sang thế giới bên kia, đang thấp thoáng hiện về. Họ ở trên cao nhìn xuống. Họ mừng vui thấy tôi trở lại. Tôi đang đi trên mảnh sân xưa, nơi những người ấy một thời cũng từng bước đi như thế, trên mảnh sân này. Chân tôi đang đặt lên những bước chân của họ. Lòng tôi và hồn họ đang cùng thổn thức. Đêm thật đẫm và lòng tôi cũng thật đẫm. Nước mắt tôi chan hoà mà lòng tôi thì vô cùng yên ả. Tôi đã về. Tôi đã thấy lại quê hương. Quê hương trong lòng tôi còn đầy ứ. Tôi cúi đầu bước vào nhà, nhìn lên bàn thờ gia tiên, tuy xưa cũ đi nhiều, nhưng vẫn giữ được phần nào hình ảnh bao năm trước. Hình bà nội tôi ở giữa, hai bên, thấp hơn là hình bác tôi, thầy tôi. Tôi thấp một nén hương. Khói bay toả nhẹ nhàng. Tôi đứng yên trước bàn thờ và thầm khấn: “*Xin tổ tiên phù hộ cho con cháu ...*”

2. Lên Đồng

Chú Châu tôi là con út của ông trẻ tôi. Ông trẻ và các chú lớn đi làm ăn xa, tận trên mạn ngược, đâu như Hà Giang, Bắc Mực. Những địa danh xa tít, đầy lam sơn trướng khí, mịt mù huyền hoặc. Lâu lâu gia đình ông trẻ tôi mới về. Lúc nhỏ chú Châu theo gia đình lên trên đó. Sau chú bị báng, bụng cứ to ra, da bủng và vàng ệch. Người ta bảo chú ngã nước. Có người bảo tại chú nghịch ngợm sao đó bị ma ớp, bị người Thổ họ thư. Vì thế chú về làng uống thuốc. Khi khỏi bệnh, chú không lên mạn ngược nữa, sợ ma nó nhớ, nó bắt. Tuy theo vai về chú gọi thầy tôi là anh, nhưng chú chỉ nhỉnh hơn anh hai tôi cỡ một hay hai tuổi gì đó, nên chú xưng với thầy tôi là “em” và gọi thầy tôi là “bác.” Chú nhập bọn với các anh lớn của tôi và các con của cô tôi. Tất cả năm, sáu người ở tuổi mười lăm, mười sáu, cười đùa rinh rích, nhưng mỗi khi thầy tôi tới gần, cả bọn lại im như không, như ngoan lấm vậy. Nhưng cả bọn không giấu được tài ăn của họ. Họ ăn nhanh và ăn nhiều quá. Nhà có giò chạp gì, mâm của họ, thức ăn không bày ra đĩa, mà xúc vào bát lớn. Mới bày ra, loáng cái đã nhẵn bóng. Các bàn trên, các cụ vừa ăn vừa nhâm nhi câu chuyện, thức ăn còn lại “thôi đưa xuống cho bọn trẻ”, ngoảnh đi ngoảnh lại đã hết veo. Thầy tôi bảo

- Quái. Tụi này ăn nó không nhai chắc.

Đấy là vừa ăn vừa nói. Họ nói với nhau bằng những tiếng lóng, chả ai hiểu nói gì, chỉ thấy chốc chốc họ lại phá lên cười. Tôi đoán là có nhiều điều “láo lếu” lắm đây. Mà thật. Một điều láo lếu mà tôi biết, biết mà giữ kín, nín thinh trong bao nhiêu năm. Đến khi có thể nói ra được thì tôi đã ở xa quê quá đỗi. Các người trong cuộc kể mất người còn mà vai chính là chú Châu. Câu chuyện thế này...

Giỗ chị Hân đã xong. Lễ hoá vàng cũng đã xong. Tro cũng đã được hốt đổ xuống ao, nhưng bác gái tôi vẫn bồi hồi nhớ chị Hân. Chị chết oan uổng, đau đớn. Bác gái tôi cho gọi ông thầy cúng đến để phụ đồng chị Hân lên. Bác tôi mong rằng sống khôn thác thiêng, bác muốn hỏi cho ra lẽ về cái chết của chị. Trời đã tối. Mảnh sân hoá vàng còn nóng hôi hổi. Bác gái tôi cho bày một bàn thờ riêng ở gian bên, có hình chị Hân trên bàn thờ. Hình chị Hân tô màu, chị mặc áo nhung, đeo kiềng vàng, vấn tóc trần. Quanh ảnh chị có hoa tươi, trà, một đĩa xôi đậu, một con gà luộc. Mỏ gà cấp một đoá hoa hồng, ngắt ngoài vườn. Hai cây nến trắng lung linh, bát hương nghi ngút khói. Đặc biệt có một mâm bồng cam Bó Hạ. Thứ cam to, mỏng vỏ, ngọt mát mà ngày xưa chị Hân rất thích. Ông cung văn và cô đồng đón từ xa đến, được bác tôi đãi ăn rất hậu. Bác tôi còn hứa “nếu hồn về trót lọt, trả lời xuống xẻ, bác tôi sẽ còn thưởng thêm.”

Cơm nước xong, trước bàn thờ, ông cung văn ngậm cây tằm trên miệng, nhẹ nhàng ngồi vào góc chiếu lên dây đàn: Phừng phừng. Phừng phừng phừng... Những ngón tay dài khắng khiu nấn buông trên phím, phô cái khuỷu tay áo the rách. Mọi người đã tề tựu. Bác gái tôi đã có mặt. Cô đồng được mời vào. Cô đồng trạc trên dưới 40, là vợ của ông cung văn, nổi tiếng là người có căn, hồn dễ nhập. Cô được mời ngồi vào giữa chiếu. Đèn măng xông thấp sáng. Cô e dè ngồi lê dằn vào vị trí trước bàn thờ. Ông cung văn phủ lên đầu cô cái khăn

đỏ rộm chòm đầu, che kín cả vai và lưng. Trên đầu cô, một bát nhang được nhẹ nhàng đặt lên. Cô đồng từ từ dơ hai bàn tay, run run, úp vào mặt. Cung vẫn bắt đầu hát:

“Ơ cô. Cô đẹp cô xinh. ... Ấy a hôn rằng hôn thác ban ngày. Thương cha nhớ mẹ (chứ) hôn rày thác đêm.”

Bác gái tôi bắt đầu tấm tức khóc. Không lẽ, vì cha mẹ không phải lẽ con, nhưng bác tôi nói nhỏ nhỏ:

- Sống khôn thác thiêng, con có điều gì oan khuất thì xin nhập vào đồng, nói cho mẹ biết.

Ông cung vẫn vẫn cao giọng vừa đàn, vừa hát. Mắt ông không rời nhìn vào cô đồng. Vì theo kinh nghiệm thông thường, hát chưa xong một khúc, đồng đã đảo. Nhưng khúc hát đã chuyển mà đồng vẫn lặng yên, chỉ thấy hơi run run như lo, như sợ. Hết khúc hát khen, ông cung vẫn chuyển sang khúc tán. Giọng ông lúc cao vút như gió cuốn trên ngàn, lúc chùng xuống như thác đổ đầu ghềnh. Cô đồng vẫn ngồi im như cũ. Bỗng cô đồng buông tay, dơ bát nhang trên đầu xuống, để ở trước mặt. Tháo khăn phủ đầu xuống. Ông cung vẫn bỡ ngỡ, bỏ dở tiếng đàn, tiếng hát. Cô đồng mặt mày nhợt nhạt, cúi đầu, chấp tay lễ hai lễ, rồi lễ phép thưa:

- Xin cụ bỏ lỗi cho. Nhà cháu không hợp căn, hôn không nhập được.

Mọi người ngơ ngác. Ông cung vẫn hạ cây đàn xuống, để dài trên chiếu. Chiếu một ngum nước lớn, lấy tay gãi rách, rồi thưa:

- Hôn cô cao lắm, nhà cháu không hợp căn cơ, không đậu được hôn về. Ở đây có ai ngồi được xin mời vào ngồi hộ cho.

Trên bàn thờ, nhang đã cháy hết một nửa. Hai ngọn nến lung linh, leo lét. Bỗng có ai tắt bớt ngọn đèn măng xông. Bàn thờ bỗng trở nên u linh, huyền hoặc. Hình chị Hân trên bàn thờ lúc sáng lúc mờ theo ánh nến. Ông cung vẫn nhắc lại:

- Ai có căn xin ngồi hộ.

Ông chiêu một nhúm chè mạn đặc, nhưng nét mặt ông lo lắng thấy rõ. Như thế là tiếng tăm của cô đồng mất, việc làm của vợ chồng ông sẽ xa sút chẳng. Đợi một lúc, ông cung vẫn lại hỏi:

- Ở đây ai có căn cơ hầu đồng được thì xin ngồi hộ đi.

Ngoảnh đi ngoảnh lại không thấy ai. Sau một tuần trà nước nữa, cuộc hầu đồng tưởng đã bỏ ngang thì cửa phòng bỗng mở. Một luồng gió tạt vào, lạnh toát. Chú Châu tôi xuất hiện, khế nói:

- Nếu không có ai thì để tôi ngồi thử xen sao.

Có ai đáp “Phải đấy!” Cô đồng lê ra cạnh chiếu, nhường chỗ cho chú Châu tôi ngồi vào giữa chiếu. Đầu chú phủ khăn đỏ, và không quên để bát hương lên đầu. Hai tay chú bung mắt. Tiếng đàn lại nổi. Tiếng hát của ông cung vẫn lại cất. Lúc đầu đầu đồng quay nhẹ nhẹ, rồi theo nhịp đàn, theo tiếng hát, đầu đồng quay rộng vòng hơn, ngả ra phía trước, ngả ra phía sau. Tiếng đàn hát mỗi lúc mỗi thêm hưng phấn. Mọi người trở mắt dõi theo vòng đảo chao chát của đồng. Bỗng tiếng đàn như chùng, tiếng hát nhẹ như ru, như dỗ:

“Chẳng mấy khi xa loan giá ngự về đ.. ồ..n.. g.”

Bây giờ đồng đảo mạnh, mềm như không có xương, rạp xuống phía trước, ngả ra phía sau, vậy mà bát hương trên đầu đồng không đổ. Mọi người ngồi quanh im phăng phắc, nét mặt ai nấy đăm chiêu, sợ hãi. Bác gái tôi thì xuýt xoa. Đồng đảo một vòng rất sâu rồi từ từ ngưng lại. Tiếng đàn thưa thớt theo lời như khấn, như dỗ dành:

“Đêm có khuya, ngày có rạng. Xin đồng ngả tay đồng xuống để ăn trầu uống nước.”

Đồng chìa bàn tay run run ra phía trước. Mọi người nín thở. Hai tay đồng đón bát hương trên đầu xuống, trịnh trọng để ngay trước mặt, rồi nhẹ nhàng vén mảnh vải đỏ ra. Mọi người nín thở. Chú Châu bây giờ khác hẳn. Mặt mày đỏ ửng, hai mắt khép hờ, rồi từ từ mở ra, thất thần như đang còn chìm trong một cõi huyền hoặc nào xa. Đồng đảo một vòng rồi bỗng oà khóc. Khóc như mưa, chan hoà, nức nở. Bác gái tôi có vẻ sợ mà nước mắt cũng đầm đìa. Tiếng đàn lại nổi, và giọng ông cung vẫn như giục, như mời:

- Xin hôn hãy bớt lo toan, đừng khóc nữa. Hôn có điều gì oan khuất thì có mẹ hôn đây, hôn có thể giải bày vài lời cho thoải.

Hôn vẫn khóc, khóc lớn hơn. Bác gái tôi trong nước mắt ghen ngào:

- Con ơi, con chết oan chết uổng, khổ sở thân con. Mà con có biết hôm nay là ngày gì của con không.

Hôn khế gật đầu, nói:

- Biết. Ngày giỗ đầu của con.

Thế là bác gái tôi oà khóc và hỏi:

- Mẹ có thừa mã cho con đủ cả. Nhà Tây, xe cao su, hài thêu, quần áo, người hầu, không thiếu một thứ gì. Con có nhận được không.

Hôn lại khóc và khế đáp:

- Con chỉ nghe được tiếng trống cúng xa xa thôi. Vì lũ quỷ nó cản, nó cướp mất cả, con chả được gì.

Thế là bác gái tôi lại khóc nức lên não nuột:

- Khốn khổ con tôi. Thế con đã ăn uống gì chưa.

Hồn lắc đầu ra chiều buồn bã quá. Hồn nhìn lên bàn thờ mình, trong lúc tiếng đàn của ông cung vãn lại nổi lên rộn rã, reo vui:

“Hồn đói, hồn khát, thương quá hồn ơi.”

Thế là bác gái tôi bảo đem con gà luộc trên bàn thờ xuống, xé cái đùi gà ra, chặt vội vã bày trước mặt hồn. Hồn ăn một miếng thịt gà rồi lại khóc. Bác gái tôi lại hỏi:

- Thế con làm gì ở dưới âm ty.

Hồn đáp:

- Con nghèo khổ quá, phải đi buôn rau buôn chè.

Đó là nghề ít vốn mà những người cùng quần của làng tôi mới làm. Nghe thế bác gái tôi lại khóc và nói:

- Khốn khổ quá con tôi.

Ông cung vãn vẫn hát, hồn khen “Hát hay” và bảo hồn cần tiền để thưởng cho ông cung vãn. Bác gái tôi liền móc túi lấy mấy đồng bạc đưa cho hồn. Hồn cầm tiền bỏ cả vào túi, chỉ lấy ra có một xu thưởng cho ông cung vãn. Ông cung vãn đón lấy tiền thưởng và cao giọng hát tiếp, ý chừng sẽ còn nhận được thêm tiền thưởng:

Âm dương cách trở đôi đàng

Khuất oan hồn cứ thực lòng kể ra

Này anh, này mẹ, này cha

Này là chú bác toàn là người ... thân.

Tiếng đàn càng trở nên quẩn quýt, rộn rã như thúc dục, như tươi vui:

Á à a... hồn ơi, hồn chớ ngại ngần...

Có ai đó lấy từ trên bàn thờ xuống một quả cam Bó Hạ đỏ au, vỏ mỏng như giấy, bóc đưa cho hồn.

Hồn nhận và cho vào miệng một lần 4 múi. Quả cam vừa hết, mọi người hy vọng hồn sẽ thổ lộ thêm về cái chết oan khuất của hồn thì hồn bỗng lặn ra và thăng. Ông cung vãn hốt hoảng ngưng đàn hát. Bác gái tôi thì sững sờ, hai tay quơ quơ như muốn bám víu, muốn giữ hồn ở lại.

Chú Châu tôi lồm cồm ngồi dậy, mắt nháo nhác như vừa tỉnh một cơn mê. Chú vái vội vàng mấy vái trước bàn thờ rồi nhanh chân lui ra. Mọi người còn ngơ ngác. Bác gái tôi mếu máo:

- Thế là nó đi. Mẹ con âm dương cách trở, mới gọi được hồn lên, chưa hỏi được ngọn ngành nó đã thăng.

Trong không khí bàng hoàng đó, chú Châu nhanh chân lén ra ngoài. Anh cả tôi chạy theo. Tôi cũng chạy theo xem sao. Trời đêm tối như mực. Đom đóm đâu đó kéo về bay nháo nhác đầy sân. Chú Châu vỗ vào túi áo, nói nhỏ với anh cả tôi:

- Đi. Đi ăn phở.

Chú cho tôi đi theo và nhắc khẽ, lời nói sắc, gọn như chỉ lợt qua kẽ răng:

- Câm. Phải câm nghe không.

Vâng, lúc ấy vì sợ chú, vì bỗng dưng được đi ăn phở, tôi đã “câm”, không dám hở cho ai hay.

Tôi đã giữ kín điều ấy qua mấy chục năm sinh sống ở trong Nam, rồi sang Mỹ. Bây giờ bác gái tôi đã mất và nếu có thể giới bên kia thì bác gái tôi đã gặp được chị Hân rồi. Mọi việc đã cũ, tôi không còn phải “câm” nữa, nhưng suốt bao nhiêu năm, cứ mỗi khi nhớ đến quê nhà, tôi lại nhớ đến chú Châu. Hình ảnh chú Châu bao giờ cũng vẫn thế, như lời thầy tôi nói: *“Bao giờ cho đứng đắn đây”*.

3. Đám Cưới Nhà Quê

Rồi cái tuổi “láo lếu” ấy qua đi, chú Châu lấy vợ. Cụ Trẻ Ba đi làm ăn xa nên thầy tôi phải “quyền huynh thế phụ”, thay mặt cụ Trẻ Ba, đại diện nhà trai lo liệu. Hôm đi đánh tiếng, chú sang nhà tôi khi thầy tôi vừa ăn cơm xong, chú nói:

- Bác mặc cái áo dài vào đi lại nhà gái cho em.

Thầy tôi bảo:

- Để anh uống ngụm nước cá đã.

Chú giục:

- Thế nào nhà gái cũng mời mình uống nước mà.

Đám cưới chú Châu như tất cả các đám cưới khác trong làng, tôi chỉ nhớ được mấy điều. Khi nhà trai mang lễ vật đến nhà gái, có cụ Trẻ Vang mặc áo thụng xanh cầm hương đi đầu. Sau là mấy người trai trẻ bưng các mâm cau, trầu và những chai rượu Vãn Điền. Kế đến là chú rể, phù rể và họ hàng nhà trai. Khi đám đón dâu

rẽ vào xóm Ngõ Mắm, cái ngõ có lát gạch nhưng hẹp dít. Tụi trẻ con trong xóm đã căng mấy dây mừng toi để cản đường đám đón dâu. Mừng toi là thứ dây leo rất dễ đứt, tượng trưng cho tình nghĩa vợ chồng, phải nương nhau mà gìn giữ. Cũng vì thế không ai dám đụng sợi dây căng ra cản đường, sợ đứt thì không nên, không tốt. Cũng chẳng ai dám bước qua. Trẻ con biết thế, cứ mè nheo, đòi tiền chằng-dây. Nhì nhằng một lúc cho có lệ, tụi trẻ mở dây để nhà trai tiếp tục đi. Đến cổng nhà gái, thì cổng đóng chặt. Tụi trẻ con nhà gái giữ cổng lại đòi tiền mở-cổng. Lại nhì nhằng mà cả mãi, cổng mới được mở ra. Đám đón dâu ùn lại trễ đến nửa giờ.

Khi cánh cổng nhà gái vừa mở, một bánh pháo Điện Quang buộc ở cạnh na, trước sân bắt đầu nổ vang đi đùng. Khói pháo mù mịt. Cụ cầm hương xênh sang bước tới. Chú rể và họ nhà trai quần áo chỉnh tề bước vào sân gạch còn đầy xác pháo hồng và mù mịt khói thơm. Khi hai họ đã tề tựu, lễ vật đã được bày trước bàn thờ gia tiên, có một bà cô nào đó bên nhà gái đồng đành ngỏ lời:

- Thay mặt cho nhà gái, chúng tôi muốn được biết đồ dẫn cưới gồm những gì đây.

Áo dài, áo cánh, váy lụa, sà tích bạc và một gói tiền được bày ra. Bà đại diện nhà gái lại nói:

- Nói trên có các cụ bỏ lỗi cho, chứ cháu gái tôi đáng giá có ngần ấy thôi sao?

Tuy đây chỉ là đối đáp theo thủ tục cho có lệ, nhưng cũng làm cho mọi người khựng lại. Chú Châu tôi đứng ở hàng sau, nóng mặt nói lớn:

- Để đó mà làm mắm à?

Mọi người cười ồ. Nhà gái vội nhận lễ vật, đem vào buồng cho cô dâu thay áo mới. Cô dâu bước ra, áo dài tứ thân bên ngoài, áo cánh nâu non bên trong, yếm trắng tinh, thắt lưng hoa lý, dây xà tích bạc buông dài bên gối, đũng đỉnh, thẹn thùng. Nhờ có mấy người đẩy, cô dâu mới bước tới chào hai họ. Lúc ấy bà đại diện nhà gái lại tươi cười lên tiếng:

- Dạ, trên có các cụ hai họ, dưới là tất cả gia đình hai bên. Cháu gái tôi được về làm dâu họ Phan là một điều sung sướng. Nhưng cháu nó có nhớn mà chả có khôn. Thôi thì khôn thì các cụ dạy ít, dại thì các cụ dạy nhiều.

Tiếp theo là các bà dì, bà cô, họ hàng sà vào, tíu tít:

- Dì thì nghèo. Dì chả có gì nhiều cho cháu, gọi là có, dì cho cháu cái thôi.

- Cô tuy có tiếng mà chả có miếng, cô có tấm vải cô cho cháu đem về làm dần làm vốn...

Sau mục họ hàng cho quà, cỗ bàn được bày ra. Ngoài những bát canh, bát om, đĩa thịt mỡ thái quân cờ như thường lệ ở làng, cỗ cưới bao giờ cũng có một gói nem. Nem là bì thịt lợn trộn với thính, được gói bằng lá chuối xanh vuông vức, buộc bằng hai lát màu đỏ, để ở cạnh mâm như một thứ trang trí đẹp, rất vui mắt. Những tay xính rượu, trước khi đi dự đám cưới đã thủ sẵn một nhóm lá ổi non để nhấm với món nem này.

Sau bao nhiêu năm xa cách, trước phút vợ chồng tôi lên đường ra phi trường về thăm Việt Nam, anh Hai tôi từ Úc gọi qua. Anh dặn thêm:

- Như thế là chu tất. Có điều em nhớ thăm chú Châu cho anh. Nhớ biểu chú một món quà cho anh.

Tôi vâng lời mà lưỡng lự. Anh tôi hiểu ra và tiếp:

- Sở dĩ anh nhắc em điều ấy vì anh em mình chịu chú một cái ơn.

Câu chuyện thế này. Lúc ấy là cuối năm 1954, hiệp định Geneve đã ký. Ai muốn đi Nam thì đi, ai ở lại cũng được. Anh Hai tôi lúc ấy là Trung Úy, thường gọi là Quan Hai. Sau mấy tuần nằm nhà thương vì trúng đạn ở chân trong một trận đụng độ khá ác liệt, anh Hai tôi được chỉ định ở lại Hà Nội, phụ trách việc liên lạc với Hải Quân Hoa Kỳ trong việc đưa đồng bào vào Nam. Trung Úy trẻ, được phát một cái xe jeep mui trần mới tinh, sau giờ làm việc, buổi chiều lái loanh quanh Hà Nội. Anh Cả tôi và hai cô em gái từ quê ra bảo:

- Chú ở lại đi. Đi Nam làm gì. Hai năm nữa tuyển cử mà. Ở lại không sao đâu, họ bảo thế.

Anh Hai tôi chỉ cười, nhưng lòng cũng hoang mang. Đến ngày cuối phải giao Hà Nội cho Việt Minh, chú Châu tôi từ quê ra tìm gặp anh Hai tôi và hỏi:

- Quan Hai, có xe ô tô riêng oai nhĩ. Thế vào Nam họ có cho lon Quan Hai nữa không?

Anh Hai tôi cười và nói:

- Vẫn thế và có thể còn từ từ lên cao hơn nữa chứ.

Nghe thế, chú Châu nói nhỏ bảo anh tôi:

- Chú nói thật. Chạy đi. Ở lại không được đâu. Đi đi. Tin họ thế nào được.

Nhờ lời nhắn nhủ đó, anh em tôi đã có mặt ở trong Nam suốt 21 năm. Chúng tôi, như đa số đồng bào Bắc vào Nam, nhờ chịu khó, hầu như ai cũng có cuộc sống no đủ. Riêng anh em tôi, chúng tôi, ngoài nỗi nhớ quê nhà, nhớ Hà Nội, chúng tôi đã có cơ hội học lại, học thêm và thăng tiến. Ở miền Nam, dù chúng tôi không thuộc đảng phái nào cũng được xã hội đối đãi đầy thương mến. Chúng tôi có bằng hữu, có các chân tình giữa đồng đội, xóm giềng. Nhiều lần khi còn ở Việt Nam, anh em tôi thường nói với nhau:

- Miền Nam hiền hoà, đơn giản. Miền Nam đã rộng lòng bao bọc chúng ta.

Chúng tôi cũng hết lòng làm một công dân lương thiện. Chúng tôi đã cố gắng làm tròn nhiệm vụ của mình. Tôi nghĩ đại đa số người Bắc vào Nam năm 1954 đều có ý nghĩ như tôi. Nhưng xa hơn một chút, nếu không có chú Châu lặn lội từ quê ra Hà Nội nhắc “đi đi” thì chưa chắc chúng tôi đã quyết liệt đi như thế. Bao nhiêu năm xa cách. Bao nhiêu chia lìa, tang tóc, giờ cuộc chiến đã tàn. Nhưng gian lao cơ cực của người tỵ nạn lúc đầu với tôi đã tạm qua. Chúng tôi đã có cuộc sống ổn định. Các con, dù rất chật vật, chúng tôi cũng đã nuôi dạy, học hành coi như xong. Tốt nghiệp đại học, có công ăn việc làm, không còn tùy thuộc cha mẹ nữa. Tôi tạ ơn miền Nam, tạ ơn miền đất mới xa lạ này. Tất nhiên tôi không thể quên lời nhắc của chú Châu. 40 năm xa cách, thời gian quá dài. Tôi nhắm mắt lại cố hình dung ra chú. Chắc chú đã già, râu tóc đã bạc, nhưng chú có còn cười đùa, nghịch ngợm như xưa? Chịu. Hình ảnh chú Châu với tôi chỉ là một thanh niên ngoài 30 tuổi, đùa nghịch, nghịch tinh và như thầy tôi nói “*Biết đến bao giờ mới đứng đắn đây.*”

Về quê, sau những gặp gỡ, lể lạc chính, tôi bảo chú em

- Cho anh thăm chú Châu.

Chú em tôi như một thoáng ngỡ ngàng:

- À, cụ Châu. Vâng thì mình hãy thư thả.

Sợ quên, nhất là lời dặn của anh Hai tôi, tôi nhắc:

- Cứ cho anh thăm cụ Châu trước, sợ rồi bề bộn công việc.

Chúng tôi đi theo con đường chính giữa làng. Xưa, tôi thấy nó thênh thang đổ au gạch chỉ, nay sao nó bé quá, hai bên nhà cửa chen chúc mọc đầy, khác hẳn quang cảnh ngày cũ. Nhưng khi qua bờ ao Hậu thì tôi nhớ ra. Con đường này, ngày đám cưới chú Châu, hai họ đã đi qua đây. Cụ cầm hương mặc áo thụng xanh đi đầu. Khói hương bay lướt thướt. Chú rẽ áo the, khăn lướt vừa đi vừa cười. Cô dâu nón thúng quai thao, bao xanh hoa lý, xà tích bạc óng ả, thẹn thùng đi giữa các cô phù dâu. Cạnh ao là dinh cơ của bác Tham tôi. Một dinh cơ cát theo lối mới nhưng vẫn là “thượng gia hạ tri”, nhà trên ao dưới, tường hoa phủ kín hoa tường vi vàng ói. Nay dinh cơ ấy vẫn còn mà sao bề bộn, cũ kỹ quá. Dọc theo bên kia ao là nhà thờ Quan Bác. Những năm cụ Thiếu về quê ăn Tết, nhà Quan Bác sửa soạn nhà thờ từ trong năm. Dù, lọng óng ả. Bát bửu, y môn, câu đối được lau lại, treo lên rực rỡ, uy nghi. Giờ là một căn nhà tối đen, thấp tè ẩn hiện qua mấy khóm tre um tùm mọc ở mé ao. Tôi vừa đi vừa nhớ lại. Những vết tích cũ đều phai nhoà, tàn tạ, khiến lòng tôi buồn bã băng khuâng. Đang miên man suy tưởng thì chú em tôi nói:

- Dạ, xin bác vào đây.

Tôi theo chú em rẽ vào một ngõ nhỏ, tường gạch ong đen, hai bên cổng rãnh dật dờ, mùi hôi phảng phất. Chúng tôi dừng lại trước một căn nhà nhỏ. Một bà cụ mặc áo cánh nâu bạch thếp, đầu vấn tóc trần nhìn ra. Chú em tôi lên tiếng trịnh trọng, to tát:

- Thừa cụ, bác cháu từ Mỹ về lại thăm hai cụ.

Tôi cúi đầu chào thím. Bà cụ ngỡ ngàng một chút, giơ hai tay lên trời và kêu lên: “*Áy cháu*”. Tôi nắm lấy đôi tay bà cụ. Đôi cánh tay gầy bọc trong hai ống tay áo bạc màu, đã rách. Rồi bà thẳng thốt nói lớn vào phía trong:

- Ông ơi! cháu nó từ bên Mỹ về...

Tôi cúi đầu bước vào nhà. Căn phòng ánh sáng mập mờ. Một cụ già từ trong góc chiếu đưa đôi tay quờ quạng ra phía trước:

- Ở ờ, cháu về thật à.

Đôi mắt cụ kém, tay run run và cái đầu lúc lắc không yên. Tôi nắm bàn tay chú, cố tưởng tượng hình ảnh ngày xưa mà đành chịu. Trước mặt tôi là một cụ già mà sức khỏe cũng như tinh thần đã lụn tàn. Trước chỗ ngồi là những ly nước chè đóng váng cáu đen. Cái điếu bát đầy tàn thuốc. Tôi ngồi xuống bên cạnh chú. Chú vòng tay qua ôm lưng tôi. Một chút hơi ấm pha mùi thuốc lảo cay nồng. Thật là hết, hết hẳn hình ảnh chú Châu ngày cũ. Tôi nhắc lại chuyện cũ, nhắc lại lời anh Hai tôi nói cảm ơn chú, chú chỉ “ờ ờ.” Đôi lúc chú lại nắm lấy

cổ tay tôi và nói: “*Cháu, cháu thật à.*” Tôi nhẹ nhàng bỏ một phong thư vào túi áo chú. Chú cười cười. Tôi nói đùa: “*Để chú ăn phở.*” Chú lại cười, khoe hai hàm răng chỉ còn có lợi.

Rời nhà ông chú trở về, trời đã tối. Những căn nhà nhô ra, thụt vào lấp loáng ánh đèn. Người đi kẻ lại, nói cười, chào hỏi mà tôi không nhìn rõ mặt, cũng chẳng nhận ra ai, như bóng dáng của những người quen đã mờ xa, còn mắt, không thật. Bước những bước chập choạng lạ lùng trên con đường cũ bao năm xa cách, tôi thấy mình đang bị chìm ngập giữa một cơn mê chập chờn, quá khứ và hiện tại mờ nhoà không thể nào phân định. Tôi ngược nhìn lên trời, vì sao Hôm xanh ngất ẩn trong tàn lá ở cuối con đường, như đôi mắt ai lấp lánh đón mừng. Một cơn gió thổi tới, thoáng lạnh làm tôi ghê gai cả hai cánh tay.